

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08-06-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 031188004683; nơi cư trú: Tổ dân phố 11, Thiêm Khê, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 031083001230; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 11, Thiêm Khê, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 27017 16A Ave, Aldergrove, BC V4W 3V5 Canada; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 17 tháng 03 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Văn D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/04/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, làm ăn kinh tế. Đến năm 2024 anh D đi lao động tại Canada với mong muốn thay đổi cuộc sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà còn trầm trọng hơn, thường xuyên cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh D đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D. Chị và anh Trần Văn D có 03 con chung là Trần Nguyễn B, sinh ngày 24/08/2012; Trần Văn K, sinh ngày 12/12/2015 và Trần Văn G, sinh ngày 28/12/2022. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung tên Trần Nguyễn B, Trần Văn Khánh Linh và Trần Văn G. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh D tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Do bận công việc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Anh D và chị H chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, không có tiếng nói chung, đến năm 2024 thì anh D sang Canada với mong muốn tìm cơ hội cải thiện cuộc sống, tuy nhiên mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện và còn tiếp tục xảy ra xung đột, vợ chồng hiện đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nên anh D đồng ý ly hôn chị H. Anh và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Trần Nguyễn B, sinh ngày 24/08/2012; Trần Văn K, sinh ngày 12/12/2015 và Trần Văn G, sinh ngày 28/12/2022. Khi ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh D và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh D đang ăn ở, sinh sống tại Canada nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Đơn xin ly hôn, bản tự khai, hộ chiếu đều đã được hợp pháp hoá lãnh sự và uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Gan thay anh D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện

quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, **Điều 469**, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D. Giao 03 con chung tên Trần Nguyễn B, sinh ngày 24/08/2012; Trần Văn K, sinh ngày 12/12/2015 và Trần Văn G, sinh ngày 28/12/2022 cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao căn cước công dân; bản sao giấy khai sinh của con chung; giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn đã được hợp pháp hoá lãnh sự, Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn D hiện đang sinh sống tại Canada nhưng là công dân Việt Nam, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Văn D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm trong lao động làm ăn kinh tế dẫn đến xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Đến năm 2024 anh D sang Canada lao động với mong muốn tìm cơ hội cải thiện cuộc sống, tuy nhiên mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện nên vợ chồng chị H và anh D vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã được hoà giải nhiều lần nhưng không có kết

quả, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Chị H xin ly hôn, anh D đồng ý. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D có 03 con chung là Trần Nguyễn B, sinh ngày 24/08/2012; Trần Văn K, sinh ngày 12/12/2015 và Trần Văn G, sinh ngày 28/12/2022. Khi ly hôn, anh D xin được trực tiếp nuôi 03 con chung, chị H cũng đồng ý. Xét thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các con trên 7 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Trần Nguyễn B, Trần Văn K và Trần Văn G cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Nguyễn B, sinh ngày 24/08/2012; Trần Văn K, sinh ngày 12/12/2015 và Trần Văn G, sinh ngày 28/12/2022 cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003404 ngày 31 tháng 03 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

